

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS -ST
Ngày: 02-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1992 (có mặt). Trú tại số A đường H, khóm S, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 590/2018/QĐ-LienVietPostBank.CNST ngày 30/8/2018 của Giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh Sóc Trăng).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy Q, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, Khu dân cư C, khóm M, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số D, đường B, Khu dân cư C, khóm M, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 của nguyên đơn Ngân hàng V, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh H trình bày:

Vào ngày 28/7/2016 bà Trần Thị Thúy Q có ký hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang với Ngân hàng V chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tại địa chỉ số A đường H, khóm S, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); mục đích vay tiêu dùng hợp pháp. Thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay: Từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc: Phân làm 60 phân kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng cố định, trả vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền 5.000.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả vào ngày 10 cùng với số tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên: Cho vay không tài sản đảm bảo.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Q nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Thị Thúy Q đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà, nơi làm việc đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng bà Q vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Cụ thể, bà Q đã vi phạm điều 9 của Hợp đồng tín dụng 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016, bà Q không thực hiện trả nợ gốc và lãi như cam kết cụ thể, từ ngày 10/9/2016 đến ngày 10/10/2018 bà Q chỉ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 84.920.000 đồng, đã trả tiền lãi là 21.533.406 đồng. Kể từ ngày 11/10/2018 đến nay bà Q không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 02/11/2018 bà Q còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 265.509.470 đồng, trong đó, tiền gốc là 215.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 43.698.262 đồng, lãi quá hạn là 6.731.208 đồng. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Thúy Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2018 là 265.509.470 đồng, trong đó, tiền gốc là 215.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 43.698.262 đồng, lãi quá hạn là 6.731.208 đồng và lãi phát sinh đến khi trả tất nợ gốc.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bị đơn bà Trần Thị Thúy Q trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 28/7/2016 bà có ký hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang với Ngân hàng V chi nhánh Sóc Trăng tại địa chỉ số A đường H, khóm S, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay: Từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc: Phân làm 60 phân kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng cố định, trả vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền 5.000.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả vào ngày 10 cùng với số tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; Mục đích vay: Tiêu dùng cá

nhân; Lãi suất cho vay 12%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Bà thừa nhận bà còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2018 là 305.528.158 đồng, trong đó tiền gốc quá hạn 265.000.000 đồng, lãi quá hạn là 32.975.658 đồng, lãi phạt gốc 7.552.500 đồng. Hiện tại hoàn cảnh gia đình bà đang khó khăn nên bà xin gia hạn đến ngày 20/11/2018 bà sẽ trả tất số nợ nêu trên cho Ngân hàng, trường hợp bà không có khả năng thanh toán nợ thì bà đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu bà thanh toán một lần hết khoản nợ nêu trên.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Thúy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V yêu cầu bà Trần Thị Thúy Q hoàn trả số tiền vốn, lãi vay tạm tính đến ngày 02/11/2018 tổng cộng là 265.509.470 đồng, trong đó, tiền gốc là 215.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 43.698.262 đồng, lãi quá hạn là 6.731.208 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả tất nợ gốc. Theo đó Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án bản sao có chứng thực sao đúng với bản chính các hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016; giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016. Xét thấy,

tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bà Trần Thị Thúy Q thừa nhận vào ngày 28/7/2016 bà Q có ký hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang với Ngân hàng V chi nhánh Sóc Trăng tại địa chỉ số A đường H, khóm S, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 300.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền vay, bà Q đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn và lãi, phí còn nợ cho Ngân hàng, nhưng xin gia hạn đến ngày 20/11/2018 sẽ trả tất nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và bà Trần Thị Thúy Q có giao kết hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016.

[3] Theo hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016 bà Q có vay của Ngân hàng số tiền là vốn là 300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng hợp pháp. Thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay: Từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc: Phân làm 60 phân kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng cố định, trả vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền 5.000.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả vào ngày 10 cùng với số tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế; lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Q đã không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo đúng thỏa thuận, cụ thể sau khi vay bà Q vi phạm không trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và vi phạm thời gian trả nợ lãi. Từ ngày 10/9/2016 đến ngày 03/8/2018 bà Q chỉ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 84.920.000 đồng, đã trả tiền lãi đến ngày 10/10/2018 là 21.533.406 đồng, kể từ ngày 11/10/2018 đến nay thì ngưng không trả lãi, kể từ 04/8/2018 đến nay thì ngưng không trả vốn cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Q phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 215.080.000 đồng. Xét thấy, bà Q đã nhận tiền vay của Ngân hàng số tiền là 300.000.000 đồng nhưng đến nay bà Q chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 84.920.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn gốc là 215.080.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng được quyền thu hồi nợ trước hạn khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”. Xét thấy, trong quá trình vay vốn bà Q đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm vào khoản 9.4 Điều 9 của hợp đồng tín dụng và mục số 11 của giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016 mà hai bên đã ký kết nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Q phải hoàn trả số tiền vốn còn nợ là 215.080.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu bà Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.420.470 đồng, với lãi suất trong hạn là 12%/ năm; lãi suất quá hạn 18%/năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”; Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định “*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”. Xét hợp đồng tín dụng số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 28/7/2016; giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 854/2016/HĐTD/CNSocTrang-KU01 ngày 28/7/2016 Ngân hàng và bà Q thỏa thuận lãi suất là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 265.509.470 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 215.080.000 đồng, tiền lãi là 50.420.470 đồng.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Thúy Q trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2018 là bà Q hiện tại hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên xin gia hạn đến ngày 20/11/2018 sẽ trả tất nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí. Bị đơn bà Trần Thị Thúy Q phải chịu án phí số tiền là 13.275.474 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

2. Buộc bà Trần Thị Thúy Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền vốn và lãi vay số tiền tổng cộng là: 265.509.470 đồng (*hai trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng*), trong đó vốn là: 215.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 43.698.262 đồng; lãi quá hạn là: 6.731.208 đồng.

Kể từ ngày 03/11/2018 bà Trần Thị Thúy Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn bà Trần Thị Thúy Q phải chịu án phí số tiền 13.275.474 đồng.

3.2. Nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.638.204 đồng theo biên lai thu số 0001851 ngày 18/6/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND – TP P;
- Thi hành án DS – TP P;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền